

**Phụ lục 03:**  
**MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ, DỰ KIẾN THỜI GIAN/CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN**  
**ĐỘ TUỔI: MGG 3,4,5 TUỔI**

(Kèm theo kế hoạch số 86/KH-TrMN ngày 22/8/2025 của trường mầm non Kỳ Thượng về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhà trường năm học 2025-2026)

**1. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC**

| Mục tiêu                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |        |        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|
| 3 tuổi                                                                                                                                                                                                          | 4 tuổi                                                                                                                                                                                                           | 5 tuổi                                                                                                                                                                                                           | 3 tuổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4 tuổi | 5 tuổi |
| <b>I. LINH VỰC: PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |        |        |
| <b>1. Phát triển vận động:</b>                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |        |        |
| <b>MT1:</b> Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:<br>+ Cân nặng:<br>. Trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg<br>. Trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg<br>+ Chiều cao:<br>. Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm | <b>MT1:</b> Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:<br>+ Cân nặng:<br>. Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg<br>. Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg<br>+ Chiều cao:<br>. Trẻ trai: 100,7 - 119,2 cm | <b>MT1:</b> Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:<br>+ Cân nặng:<br>. Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg<br>. Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg<br>+ Chiều cao:<br>. Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm | - Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi.<br>- Kiểm tra sức khỏe định kì: 2 lần/ năm<br>- Cân, đo trẻ theo quý, mỗi quý cân, đo một lần.<br>- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển.<br>- Các biện pháp phòng chống dịch bệnh; can thiệp sớm đối với trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng. |        |        |

|                                                                                                        |                                                                                                        |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| . Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm.                                                                            | . Trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm                                                                             | . Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>MT2:</b> Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn. | <b>MT2:</b> Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh. | <b>MT2:</b> Trẻ thực hiện đúng thuần thực các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. | <p>* Hô hấp:<br/>+ Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ.<br/>+ Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. Bắt chước tiếng kêu của đồ vật, động vật.</p>                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                                                                                                        |                                                                                                        |                                                                                                                                                                 | <p><b>* Tay:</b><br/>- Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang hai bên</p> <p>- Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.</p> <p><b>* Lưng, bụng, lườn:</b><br/>- Cúi về phía trước.</p> | <p><b>* Tay:</b><br/>- Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang ngang 2 bên<br/>(Kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay)<br/>- Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu)</p> <p><b>* Lưng, bụng, lườn:</b><br/>- Cúi về trước, ngửa người ra sau.</p> | <p><b>* Tay:</b><br/>- Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).</p> <p>- Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.</p> <p><b>* Lưng, bụng, lườn :</b><br/>- Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang ngang, sang trái.</p> |

|                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                           | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quay người sang trái, sang phải</li><li>- Nghiêng người sang trái, sang phải.</li></ul>                                                     |                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quay người sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.</li><li>- Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.</li><li><b>* Chân:</b> Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía trước.</li><li>- Nhảy lên, đưa hai chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.</li></ul> |
|                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                           | <b>* Chân:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bước lên phía trước, bước sang ngang.</li><li>- Co duỗi chân.</li></ul>                                                      | <b>* Chân:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhún chân</li><li>- Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.</li></ul>                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                           | <ul style="list-style-type: none"><li>- Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.</li></ul>                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>MT3:</b> Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) | <b>MT3:</b> Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. | <b>MT3:</b> Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở) (CS1) | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đi hết đoạn hẹp (3x0,2m)</li><li>- Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát</li><li>- Đi kiễng gót liên tục 3m</li><li>- Đi bước lùi 3m</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đi trên ghế thể dục.</li><li>- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</li><li>- Đi bước vào các ô.</li><li>- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.</li><li>- Đi bước chéo</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Các bài vận động giúp trẻ đi, đứng, ngồi :</li><li>+ Đi thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh,</li><li>+ Đi nổi bàn chân tiến lùi</li><li>+ Đi thăng bằng trên ghế thể dục theo yêu cầu của cô.</li><li>+ Đi mép ngoài bàn chân.</li><li>+ đi khụy gối</li></ul>                                                                                                                              |

|  |  |                                                                                             |  |                                                                                                    |                                                                                                                                              |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |                                                                                             |  | sang ngang.<br>- Đi bằng gót chân.<br>- Đi khụy gối, đi lùi.<br>- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. | + Đi trên dây                                                                                                                                |
|  |  | <b>MT4:</b> Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất (CS2)                              |  |                                                                                                    | - Các hoạt động học PTVD, Hoạt động vui chơi ngoài trời, các hoạt động thể dục sáng.<br>+ Các trò chơi vận động.<br>+ Các trò chơi dân gian. |
|  |  | <b>MT5:</b> Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi (CS3) |  |                                                                                                    | + Tham gia hoạt động học tập không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 35 phút                                                                 |
|  |  | <b>MT6:</b> Dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới (CS4) |  |                                                                                                    | - Bé với các hoạt động phát triển thể chất cùng bạn                                                                                          |

|                                                          |                                                                        |                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                          | <b>MT4:</b> Trẻ biết trèo lên, xuống 5 giống thang.                    | <b>MT7:</b> Thực hiện phối hợp các vận động: Đi lên- xuống trên mặt phẳng nghiêng, vượt qua trướng ngại vật, leo, trèo, di chuyển trên các mô hình vận động không cần sự hỗ trợ. (CS 5) | <b>- Trườn theo hướng thẳng</b><br><br><b>- Trườn về phía trước.</b><br><b>- Trườn đích dắc.</b><br><b>- Trườn chui qua cổng.</b><br><br><b>- Trườn chui dưới dây.</b><br><b>- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</b><br><b>-Trèo lên, xuống 5 giống thang.</b> |                                                                                                                                                                                                                 | <b>- Các bài vận động giúp trẻ đi thẳng bằng khi lên, xuống ván kê dốc.</b><br><b>+ <i>Đi trên ván kê dốc</i></b><br><b>- Một số bài tập cho trẻ trèo lên xuống thang:</b><br><b>+ <i>Trườn kết hợp trèo lên xuống ghế thể dục.</i></b><br><b>+ <i>Trèo lên, xuống liên tục 7 giống thang (độ cao 1,5 m so với mặt đất)</i></b>                                                                                                                                |
| <b>MT4:</b> Trẻ biết chạy 15m liên tục theo hướng thẳng. | <b>MT5:</b> Trẻ biết chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. | <b>MT 8:</b> Chạy nhanh 20m trong 5- 6s (CS6)                                                                                                                                           | <b>- Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.</b><br><b>- Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.</b><br><b>- Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.</b><br><b>- Chạy 15m</b>                                      | <b>- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.</b><br><b>- Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)</b><br><b>- Chạy chậm 60 -80m;</b> | <b>- Các bài tập cho trẻ chạy liên tục trong khoảng 150m, không hạn chế thời gian.</b><br><b>+ <i>Chạy chậm 120 -150m.</i></b><br><b>+ <i>Chạy thay đổi tốc độ 150m theo hiệu lệnh.</i></b><br><b>+ <i>Chạy thay đổi hướng 150m theo hiệu lệnh.</i></b><br><b>- Các bài vận động chạy theo hướng thẳng trong khoảng 20m, hạn chế thời gian.</b><br><b>+ <i>Chạy theo hướng thẳng 20m không hạn chế thời gian.</i></b><br><b>+ <i>Chạy theo hướng thẳng</i></b> |

|                                                                                                  |                                                                                                                 |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                  |                                                                                                                 |                                                                                 | liên tục theo hướng thẳng.                                                                                                                                                                                                                                                  | - Chạy 15m trong khoảng 10 giây.                                                                                                                                                           | 20m thời gian 6 s. trở xuống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>MT5:</b> Trẻ biết tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) | <b>MT6:</b> Trẻ biết tung bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m) | <b>MT9:</b> Phối hợp với người khác thực hiện vận động có sử dụng dụng cụ (CS7) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang</li> <li>- Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng dọc.</li> <li>- Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay.</li> <li>- Tung bắt bóng với cô (3 lần liên tiếp không rơi bóng khoảng cách 2,5m).</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.</li> <li>- Tung bóng lên cao và bắt.</li> <li>- Tung bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 3m).</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số bài tập cho trẻ đập và bắt bóng bằng 2 tay.</li> <li>+ Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay.</li> <li>+ Tung, đập bắt bóng bằng 2 tay.</li> <li>+ Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.</li> <li>+ Chuyên, bắt bóng qua đầu qua chân</li> <li>- Một số bài tập cho trẻ ném và bắt bóng với người đối diện.</li> <li>+ Ném và bắt bóng với người đối diện khoảng cách 4m.</li> </ul> |
| <b>MT6:</b> Trẻ biết bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra                               | <b>MT 7:</b> Trẻ biết bò trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc,                                               | <b>MT10:</b> Trẻ biết bò qua 5,6 điểm dích dắc cách nhau 1,5 m                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò chui qua cổng.</li> <li>- Bò theo hướng thẳng.</li> </ul>                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m</li> <li>- Bò dích dắc</li> </ul>                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số bài tập cho trẻ bò dích dắc qua các điểm.</li> <li>+ Bò bằng tay và bàn chân 4-5m.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

|                                                           |                                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                          |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ngoài.                                                    | cách nhau 2m)<br>không chệch ra<br>ngoài.                                                                                           | đúng yêu cầu.                                                                                                                          | - Bò dích dắc.<br>- Bò trong<br>đường hẹp (3m<br>x 0,4m) | qua 5 điểm.<br>- Bò chui qua<br>ống dài 1,2m x<br>0,6m.<br>- Bò trong<br>đường dích dắc<br>(3 - 4 điểm<br>dích dắc, cách<br>nhau 2m)<br>không chệch ra<br>ngoài. | + <i>Bò dích dắc qua 7 điểm.</i><br>+ <i>Bò chui qua ống dài 15m x<br/>0,6m.</i><br>+ <i>bò chui qua cổng.</i>                                                                                                                                                                |
| <b>MT7:</b> Trẻ biết<br>bước lên, xuống<br>bục cao 30 cm  | <b>MT8:</b> Trẻ thể<br>hiện nhanh,<br>mạnh, khéo trong<br>thực hiện bài<br>tập: Bật - nhảy từ<br>trên cao xuống<br>(cao 30 - 35cm). | <b>MT11:</b> Trẻ nhảy<br>xuống từ độ cao 40<br>cm, Trẻ có thể nhảy<br>lò cò được ít nhất 5<br>bước liên tục, đổi<br>chân theo yêu cầu. | - Bước lên,<br>xuống bục cao<br>30 cm.                   | - Bật - nhảy từ<br>trên cao xuống<br>(cao 30 -<br>35cm).                                                                                                         | - Một số bài tập cho trẻ nhảy<br>từ độ cao 40cm xuống sàn.<br>+ <i>Nhảy từ trên cao 40 –<br/>50cm xuống.</i><br>+ <i>Nhảy qua vật cản 15 –<br/>20cm.</i><br>- Một số bài tập cho trẻ nhảy<br>lò cò.<br>+ <i>Nhảy lò cò 5m.</i><br>+ <i>Nhảy lò cò theo yêu cầu<br/>của cô</i> |
| <b>MT8:</b> Trẻ thể<br>hiện nhanh, mạnh,<br>khéo khi thực | <b>MT9:</b> Trẻ thể<br>hiện nhanh, mạnh,<br>khéo khi thực                                                                           | <b>MT12:</b> Trẻ biết bật<br>xa tối thiểu 50cm.                                                                                        | - Bật tại chỗ.<br>- Bật về phía<br>trước.                | - Bật liên tục<br>về phía trước.<br>- Bật tách                                                                                                                   | Một số bài tập về bật tại chỗ,<br>bật xa.<br>+ <i>Bật tách chân chụm chân.</i>                                                                                                                                                                                                |

|                                                                                                                       |                                                                                         |                                                                                                    |                                                                                                     |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| hiện các bài tập<br>bật xa 20-25 cm                                                                                   | hiện các bài tập<br>bật 35 - 40cm                                                       |                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật nhảy qua dây.</li> <li>- Bật xa 20 - 25 cm.</li> </ul> | chân, khớp<br>chân qua 5 ô.<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.</li> <li>- Bật xa 30 - 40cm.</li> </ul>                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Bật liên tục qua các vạch kẻ, qua các vòng.</i></li> <li>+ <i>Bật xa 50cm.</i></li> <li>+ <i>Bật qua vật cản.</i></li> </ul>                                               |
| <b>MT9:</b> Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo thực hiện bài tập tổng hợp: Ném trúng đích bằng 1 tay, đích ngang xa 1,5m. | <b>MT10:</b> Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp: Ném trúng đích đứng | <b>MT 13:</b> Trẻ biết ném trúng đích thẳng đứng.                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)</li> </ul>                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném trúng đích bằng 1 tay.</li> <li>- Ném trúng đích ngang (xa 2 m).</li> <li>- Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m).</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số bài tập ném trúng đích thẳng.</li> <li>+ <i>Ném xa bằng 1 tay.</i></li> <li>+ <i>Ném xa bằng 2 tay.</i></li> <li>+ <i>Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.</i></li> </ul> |
| <b>MT10:</b> Trẻ cắt được một đoạn 10cm.                                                                              | <b>MT11:</b> Trẻ biết cắt thành thạo theo đường thẳng.                                  | <b>MT 14:</b> Trẻ biết cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình và dán vào đúng vị trí (CS8) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng kéo cắt được một đoạn 10cm</li> </ul>              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cắt theo đường thẳng.</li> </ul>                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cắt theo đường viền của hình vẽ</li> <li>+ Xé theo ý thích, xé theo yêu cầu..</li> <li>+ Ghép, dán hình theo mẫu</li> </ul>                                                   |

|                                                                                                                               |                                                                                                                        |                                                                                                           |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>MT11:</b> Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, lau mặt, súc miệng.               | <b>MT12:</b> Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.        | <b>MT 15:</b> Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ (CS9)                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp nhận vệ sinh răng miệng.</li> <li>- Làm quen cách đánh răng, lau mặt.</li> </ul>                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh răng miệng</li> <li>- Tập đánh răng, lau mặt.</li> </ul>                                                                            | - Tự cất đồ dùng tư trang đúng nơi quy định, tự vệ sinh cá nhân,...tự mặc, cởi quần áo, đeo giày dép..                                                                                                                                                                             |
| <b>2. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe</b>                                                                                        |                                                                                                                        |                                                                                                           |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>MT12:</b> Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh, biết tên một số món ăn hàng ngày. | <b>MT13:</b> Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản. | <b>MT16:</b> Nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi ích đối với sức khỏe (CS10) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.</li> </ul>                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số thực phẩm trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng.</li> <li>- Dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các nhóm thực phẩm thông thường</li> <li>+ Phân loại 4 nhóm thực phẩm đơn giản.</li> <li>+ Kể tên 1 số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản</li> <li>+ Một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.</li> </ul> |
| <b>MT13:</b> Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn                                                              | <b>MT14:</b> Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh, thông minh và                                                        | <b>MT17:</b> Thực hiện ăn uống đầy đủ (ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm),                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</li> <li>- Sự liên quan giữa ăn uống với</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</li> <li>- Sự liên quan giữa ăn uống</li> </ul>                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

|                                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                                                                                |                                                                     |                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| nhiều loại thức ăn khác nhau.                                                                                   | biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.                                                  | sạch sẽ (bảo đảm vệ sinh) và lành mạnh (có lợi cho sức khỏe, phòng tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân) (CS11) | bệnh tật: ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì.               |                                                                                                                      | với bệnh tật: ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì.<br>+ Thực phẩm bản, sạch.<br>+ Thức ăn và sức khỏe (ăn nhiều mỡ, nhiều đường, thức ăn nhanh gây béo phì...)<br><br>+ Thức ăn phù hợp với thời tiết.                                                                    |
| <b>MT14:</b> Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, Lau mặt, súc miệng. | <b>MT15:</b> Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng, Tự lau mặt, đánh răng. | <b>MT18:</b> Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi (CS12)              | - Tập rửa tay bằng xà phòng.<br>- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. | - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.<br>- Tập luyện một số thói quen tốt về sức khỏe.<br>- Vệ sinh răng miệng | + Cách rửa tay bằng xà phòng<br>+ Các đồ dùng cần thiết để rửa tay..<br>+ Khu vực bé đi vệ sinh trong lớp, trong trường.<br>+ Bé nên rửa tay khi nào?<br>+ Cách bé đánh răng, rửa mặt.<br>+ Những đồ dùng cần thiết để bé đánh răng, rửa mặt.<br>+ Bé đánh răng rửa mặt khi nào? |

|                                                                                  |                                                                                                                                          |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                  |                                                                                                                                          |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp nơi công cộng, trong khi ăn uống..</li> <li>+ Thực hiện 1 số việc tự phục vụ đơn giản</li> <li>+ Đi vệ sinh đúng cách.</li> <li>+ Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</li> </ul> |
| <b>MT15:</b> Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng hiểm khi được nhắc nhở.   | <b>MT16:</b> Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng .....là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch. | <b>MT19:</b> Biết và không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn (CS13)                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: Phích nước nóng, bếp đang đun, bàn là. Không nghịch các vật sắc nhọn.</li> </ul> |                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Một số đồ vật gây nguy hiểm</li> <li>+ Cách phòng tránh 1 số đồ vật gây nguy hiểm</li> <li>+ Biện pháp xử lý chấn thương đơn giản.</li> </ul>                                                                        |
| <b>MT16:</b> Trẻ nhận biết được một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. | <b>MT17:</b> Trẻ nhận biết được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.                                                        | <b>MT20:</b> Nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp (Tránh xa, kêu cứu, thông báo với người khác..) (CS14) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số trường hợp không an toàn: Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp:</li> </ul>                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số trường hợp không an toàn: Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp:</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kêu cứu, gọi người lớn, nhờ bạn gọi người lớn, hành động tự bảo vệ:</li> <li>+ Người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi</li> <li>- Khi gặp nguy hiểm: bị</li> </ul>                                  |

|                                                                          |                                                                          |                                                                                                                                        |                                                                              |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                          |                                                                          |                                                                                                                                        | Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu.                                | Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu.<br>- Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. | đánh, ngã, bị thương, bị chảy máu...Thì phải kêu cứu, gọi người lớn, nhờ bạn gọi người , hành động tự bảo vệ<br>- Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...<br>- Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Tên, địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân khi bị lạc, biết hỏi gọi người lớn giúp đỡ. |
| <b>MT17:</b> Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, đau và nói với người lớn | <b>MT18:</b> Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, đau và nói với người lớn | <b>MT21:</b> Nhận ra 1 số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người khác ( cảm thấy mệt, đau, mẩn ngứa, buồn nôn...)(CS15) | - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. | - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.<br>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.                                                      | + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.<br>+ Cách gọi người giúp đỡ khi cần (thể hiện cử chỉ, lời nói, cách truyền đạt ngắn gọn cụ thể).                                                                                                                                                                                         |
| <b>II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI</b>                           |                                                                          |                                                                                                                                        |                                                                              |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|                                                                                                           |                                                                                                                                               |                                                                                                                              |                                                                                           |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>MT18:</b> Trẻ nói được tên tuổi giới tính của bản thân. nói được điều bé thích, không thích.           | <b>MT19:</b> Trẻ nói được tên tuổi giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. | <b>MT22:</b> Nhận biết về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, giới tính, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân (CS16) | - Tên tuổi giới tính.<br>Những điều bé thích, không thích.                                | - Tên tuổi giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.<br>- Sở thích, khả năng của bản thân.                             | + Tên, tuổi, giới tính, sở thích<br>+ Nhận biết, phân biệt quần áo của bạn trai bạn gái.<br>+ Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.<br>+ nhận biết phân biệt đặc điểm của động thực vật...<br>+ Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn gái.<br>+ Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn trai.<br>+ Khả năng của bé.<br>+ Sở thích của bé |
| <b>MT19:</b> Trẻ biết nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh, ảnh. | <b>MT20:</b> Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.                      | <b>MT23:</b> Gọi tên tối thiểu 3 cảm xúc khác nhau của bản thân, và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó . (CS17)           | - Một số trạng thái cảm xúc “vui, buồn, sợ hãi, tức giận” qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. | - Một số trạng thái cảm xúc “vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên” qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. | + Nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi...của bản thân khi gặp các tình huống xảy ra ...<br>+ Bé chia sẻ với các bạn về chuyện vui, buồn của mình.<br>+Hành động, lời nói của bé khi bạn vui, buồn.                                                                                                                                                |
|                                                                                                           |                                                                                                                                               | <b>MT24:</b> Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân.                                                        |                                                                                           |                                                                                                                  | + Đặc điểm riêng của bé<br>+ Khả năng của bé<br>+ Các bạn trong lớp và bé.<br>+ Các bạn ở những vùng                                                                                                                                                                                                                                                  |

|                                                                     |                                                                                        |                                                                                    |                                                                                       |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                     |                                                                                        | (CS18)                                                                             |                                                                                       |                                                                                                                   | miền khác nhau.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>MT20:</b> Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | <b>MT21:</b> Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. | <b>MT25:</b> Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp với mọi người xung quanh (CS19) | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động. | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình. | - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu.<br>- Chúc mừng bạn hoặc người thân nhân ngày sinh nhật.<br>- Hoan hô cổ vũ khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó.                                                                                                                                    |
| <b>MT21:</b> Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | <b>MT22:</b> Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. | <b>MT26:</b> Điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh (CS20)                       | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động. | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình. | + Một số hành vi văn minh nơi công cộng (đi nhẹ khi người ốm...)<br>+ Bé trong giờ học.<br>+ Bé với các sự kiện vui tổ chức ở nhà, ở trường, các lễ hội.<br>+ Bé với những sự kiện buồn ở trường ở nhà.<br>- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau |
| <b>MT22:</b> Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và             | <b>MT23:</b> Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân                                      | <b>MT27:</b> Có trách nhiệm với bản thân, người khác và môi                        | - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.                                                 |                                                                                                                   | + <b>Hành động, lời nói của bé khi bạn vui, buồn.</b><br>+ <b>Những việc làm của bé</b>                                                                                                                                                                                                                             |

|                                      |                                                                              |                                                                                         |                                              |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| chăm sóc cây.                        | thuộc.                                                                       | trường. (CS21)                                                                          |                                              |                                                                       | <p>khuyến cho người khác vui (buồn)?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những việc làm của bé để bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi quy định.</li> </ul>                                                                    |
|                                      |                                                                              | <b>MT28:</b> Nhận biết và thể hiện thái độ phù hợp với người khác và môi trường. (CS22) |                                              |                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bé và các sự kiện được tổ chức trong nhóm, lớp.</li> <li>+ Thái độ và hành động của bé khi được giao nhiệm vụ.</li> </ul>                                                                                                |
| MT23: Trẻ có cử chỉ, lời nói lễ phép | MT24: Trẻ lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép | <b>MT29:</b> Thể hiện hành vi ứng xử văn hóa với người khác và môi trường (CS23)        | - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) | - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thái độ và hành động của bé khi giao tiếp với người lớn và các bạn</li> <li>+ Những câu bé sử dụng phù hợp với tình huống: cảm ơn, xin lỗi....</li> <li>+ Những câu chào hỏi phù hợp với đối tượng hoàn cảnh.</li> </ul> |
|                                      |                                                                              | <b>MT30:</b> Tôn trọng sự khác biệt của người khác (CS24)                               |                                              |                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các bạn trong lớp và bé</li> <li>+ Các bạn ở những vùng miền khác nhau.</li> <li>+ Bé với mọi người xung quanh</li> </ul>                                                                                                |

|                                                                       |                                                          |                                                                                                     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                       |                                                          | <b>MT31 :</b> Thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi. (CS25)                   |                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thái độ và hành động của bé trong môi trường xã hội gần gũi ( bé với người thân, bạn bè, cô giáo..)</li> <li>+Thái độ và hành vi của bé trong các tình huống yêu cầu chờ đến lượt.</li> <li>+ Thái độ của bé với nhiệm vụ được giao...</li> </ul> |
| <b>MT24:</b> Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. | <b>MT25:</b> Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. | <b>MT32 :</b> Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp (CS26) | - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bé với những hành động bảo vệ môi trường:</li> <li>+ Tắt điện khi ra khỏi phòng.</li> <li>+ Tiết kiệm điện nước.</li> <li>+ Bỏ rác đúng nơi qui định.</li> <li>+ Chăm sóc vật nuôi cây trồng.</li> </ul>                                          |
|                                                                       |                                                          | <b>MT33 :</b> Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra (CS 27)                         |                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hành vi, lời nói của bé phù hợp với hoàn cảnh đang xảy ra.</li> <li>+ Thái độ của bé trước những hành vi đúng và sai đối với môi trường.</li> <li>+ Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy</li> </ul>                                 |

|                                                                          |                                                              |                                                                      |                                              |                                                                       |                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                          |                                                              |                                                                      |                                              |                                                                       | ra                                                                                                                                                                                   |
| <b>MT25:</b> Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở. | <b>MT26:</b> Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. | <b>MT34 :</b> Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi. (CS28)   | - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) | - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. | + Trẻ biết những việc làm sai của mình và biết nói lời xin lỗi và sửa khi mình làm sai                                                                                               |
|                                                                          |                                                              | <b>MT35 :</b> Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác (CS29) |                                              |                                                                       | + Những lời hứa của bé với mọi người xung quanh<br>+ Bé biết thực hiện lời hứa của mình với người thân, cô giáo và các bạn..                                                         |
| <b>III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>                                 |                                                              |                                                                      |                                              |                                                                       |                                                                                                                                                                                      |
| <b>1. Phát triển khả năng nghe</b>                                       |                                                              |                                                                      |                                              |                                                                       |                                                                                                                                                                                      |
|                                                                          |                                                              | <b>MT35: Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói</b> (CS30)         |                                              |                                                                       | + Nghe âm thanh trong cuộc sống hàng ngày.<br>+ Nghe các giọng nói với sắc thái tình cảm khác nhau.<br>+ Thực hiện các yêu cầu của cô, của người lớn và các bạn trong các hoạt động. |
| <b>MT26:</b> Trẻ lắng nghe và trả lời                                    | <b>MT27:</b> Trẻ lắng nghe và trao đổi                       | <b>MT37:</b> Nghe hiểu và phản hồi thông                             | - Nghe hiểu nghĩa các từ,                    | - Lắng nghe và trao đổi với                                           | + Quan sát, được nghe tên gọi các sự vật và hiện tượng                                                                                                                               |

|                                    |                                                         |                                                                         |                                                                                                |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| được câu hỏi của người đối thoại   | với người đối thoại.                                    | tin đơn giản (CS 31)                                                    | nội dung các câu đơn, câu mở rộng.<br>- Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | người đối thoại.                    | gắn gũi đơn giản<br>+ Nghe truyện, thơ, đồng dao, ca dao theo nhiều cách khác nhau (nghe trên đài, nghe cô đọc, nghe các bạn đọc.....)<br>+ Trò chuyện, trao đổi về nội dung truyện, thơ, đồng dao, ca dao mà trẻ được nghe.                                                 |
|                                    |                                                         | <b>MT38:</b> Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. |                                                                                                |                                     | + Nghe người khác nói và đáp lại bằng lời nói phù hợp.                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>2. Phát triển khả năng nói</b>  |                                                         |                                                                         |                                                                                                |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>MT27:</b> Trẻ nói rõ các tiếng. | <b>MT28:</b> Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. | <b>MT39:</b> Nói để người khác hiểu (CS 32)                             | - Phát âm các tiếng của tiếng Việt                                                             | - Phát âm các tiếng có chứa các âm. | + Danh từ, động từ, tính từ....phù hợp với câu nói. Từ láy, từ cảm thán phù hợp với ngữ cảnh và câu nói mà trẻ truyền đạt (VD: Ô tô nhà bạn Lan đẹp ơ là đẹp!)<br>+ Câu đơn, câu ghép, câu cầu khiến,...đầy đủ các thành phần cấu tạo câu. Câu hỏi, câu cầu khiến, câu khẳng |

|                                                                                                         |                                                                                                         |                                                                                |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                         |                                                                                                         |                                                                                |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                   | định, phủ định?Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh và đặt câu hỏi: Tại sao? Như thế nào?                                                                                                                                         |
| <b>MT28:</b> Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.                                               | <b>MT29:</b> Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.                                               | <b>MT40:</b> Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp (CS 33)          | + Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép: Dạ, Thưa, Vâng ạ trong giao tiếp                                                                                                                              | + Sử dụng các từ như „Mời cô”, „mời bạn”, „cảm ơn”, „xin lỗi”... trong giao tiếp. | + Lời nói của bé khi giao tiếp với mọi người xung quanh.<br>+ Hướng dẫn các bạn trong trò chơi và trong các hoạt động.<br>+ Chấp nhận sự phân công của nhóm chơi, của người lớn<br>+ Thái độ và hành động của bé khi được giao nhiệm vụ. |
| <b>MT29:</b> Trẻ biết nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp | <b>MT30:</b> Trẻ biết nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp | <b>MT41:</b> Diễn tả biểu diễn của bản thân bằng những cách khác nhau (CS 34)  | +Trẻ sử dụng lời nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp                                                                                                  |                                                                                   | + Trẻ sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ dễ hiểu để diễn tả những hành động của bản thân                                                                                                                                                   |
| <b>MT30 :</b> Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.                                                  | <b>MT31:</b> Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.                                                   | <b>MT42:</b> Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho | - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.<br>- Nghe và đọc các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè theo nhiều cách khác nhau (nghe trên đài, nghe cô đọc, nghe |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                          |

|                                                                                   |                                         |                                                                           |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                   |                                         | lứa tuổi của trẻ.                                                         | các bạn đọc.....)<br>- Trò chuyện, trao đổi về nội dung truyện, thơ, đồng dao, ca dao mà trẻ được nghe<br>- Nói về chủ đề giá trị đạo đức của truyện |                                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                                                   |                                         | <b>MT43:</b> Kể truyện theo cách riêng .(CS 35)                           |                                                                                                                                                      | + Kỹ năng kể lại chuyện theo đồ vật, theo tranh.<br>+ Kỹ năng kể chuyện diễn cảm, đóng kịch.<br>+ Đặt tên mới cho câu chuyện.<br>+ Kể chuyện sáng tạo                                                                                      |
| <b>3. Làm quen với việc đọc và viết</b>                                           |                                         |                                                                           |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>MT31:</b> Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự dỡ sách xem tranh. | <b>MT32:</b> Trẻ biết chọn sách để xem. | <b>MT44:</b> Thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in. (CS 36) | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.                                                                                                           | + Chữ cái ở môi trường xung quanh.<br>+ Chữ cái trên sách, báo, vỏ các sản phẩm yêu thích, trên tranh ảnh...<br>+ Suy tầm các loại sách truyện. Tham gia vào góc sách truyện, đọc sách truyện theo ý thích.<br>+ Thái độ , hành vi của trẻ |

|                                                                     |                                                                     |                                                                          |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                     |                                                                     |                                                                          |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                       | <p>khi giở sách, cất sách..</p> <p>+ Phân biệt chiều xuôi, ngược của sách.</p> <p>Cách giở sách lần lượt từ trang đầu đến trang cuối.</p> <p>+ Đọc truyện đã biết nội dung trẻ đọc phù hợp với các hình ảnh trong tranh.</p> <p>Đọc tên câu truyện dựa vào trang bìa của chuyện.</p> |
| <b>MT32:</b> Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường trong cuộc sống. | <b>MT33:</b> Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường trong cuộc sống. | <b>MT45:</b> Nhận biết một số ký hiệu biểu tượng trong cuộc sống (CS 37) | <p>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)</p> | <p>- Các kí hiệu về đồ dùng của trẻ như: khăn mặt, tủ đựng đồ; các kí hiệu khác như: kí hiệu về thời tiết, đồ dùng, kí hiệu góc chơi,..</p> <p>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ</p> | <p>+ Nhận biết các kí hiệu của bản thân: Khăn mặt, ngăn tủ đựng đồ, cốc uống nước,...</p> <p>Nhận biết các kí hiệu về thời tiết. Nhận biết một số biển báo giao thông đơn giản, quen thuộc. Nhận biết nhãn hàng hóa quen thuộc.</p>                                                  |

|                                                    |                                                 |                                                                                  |                                      |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                    |                                                 |                                                                                  |                                      | sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>MT33:</b> Trẻ tiếp xúc với chữ cái, sách truyện | <b>MT34:</b> Trẻ nhận dạng được một số chữ cái. | <b>MT46:</b> Nhận biết và gọi tên chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt .(CS 38) | - Tiếp xúc với chữ cái, sách truyện. | - Nhận dạng một số chữ cái.                          | + Cách phát âm chuẩn các chữ cái trong bảng chữ cái.Cách phát âm tiếng Việt khi trình bày các tác phẩm văn học hay trình bày ý kiến của bản thân. Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe.<br>+ Đoán được các dòng chữ trên các thiệp chúc mừng có hình ảnh minh họa ( chúc mừng năm mới....) Đoán được nội dung của các dòng chữ trong các nhãn hàng quảng cáo quen thuộc...<br>+ Chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. Chữ cái trong sinh hoạt và trong các hoạt động hàng ngày. |
|                                                    |                                                 | <b>MT46:</b> Nghe và nhận ra âm giống                                            |                                      |                                                      | + Nghe âm thanh trong cuộc sống hàng ngày.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|                                                 |                                                                                   |                                                                     |                                         |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                 |                                                                                   | nhau trong tiếng<br>(CS 39)                                         |                                         |                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe các giọng nói với sắc thái tình cảm khác nhau.</li> <li>+ Nghe các tiếng, từ và nhận ra âm giống nhau trong tiếng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                          |
| <b>MT34:</b> Trẻ thích vẽ, “Viết” nguệch ngoạc. | <b>MT35:</b> Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng. | <b>MT48:</b> Thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ “viết” (CS 40) | - Vẽ, “Viết” nguệch ngoạc theo ý thích. | - Sử dụng một số ký hiệu để viết tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng. | + Cách ghi các biểu tượng trong các hoạt động (biểu tượng thời tiết trong ngày, việc trẻ muốn làm trong ngày, kí hiệu theo dõi, quan sát thí nghiệm...)                                                                                                                                                                                                                             |
|                                                 | <b>MT36:</b> Trẻ biết tập tô, tập đồ các nét chữ.                                 | <b>MT49:</b> Bắt chước hành vi “viết” (CS 41)                       |                                         | Hướng dẫn trẻ tô, tập đồ các nét chữ.                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tô chữ, đồ chữ, cắt ,dán chữ. Xếp hình chữ bằng nhiều nguyên vật liệu khác nhau</li> <li>+ Viết tên trong các sản phẩm tạo hình.</li> <li>Tự viết tên của bản thân trong các đồ dùng sinh hoạt cá nhân</li> <li>+ Cầm bút, ngồi học đúng tư thế. Vẽ, xếp ....theo chiều từ trái sang phải.</li> <li>Tập tô chữ, đồ chữ, xếp chữ</li> </ul> |

|                                                                                                                                                   |                                                                                                                                          |                                                                 |                                                                                                                                              |                                                                    |                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                   |                                                                                                                                          |                                                                 |                                                                                                                                              |                                                                    | theo chiều từ trái sang phải từ trên xuống dưới.                                                                                    |
| <b>IV. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>                                                                                                                   |                                                                                                                                          |                                                                 |                                                                                                                                              |                                                                    |                                                                                                                                     |
| <b>1. .Hình thành các biểu tượng sơ đẳng về toán</b>                                                                                              |                                                                                                                                          |                                                                 |                                                                                                                                              |                                                                    |                                                                                                                                     |
| <b>MT35:</b> Trẻ biết gộp nhóm đối tượng cùng loại có số lượng trong phạm vi 5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm. | <b>MT37:</b> Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn. | <b>MT50:</b> Tách gộp số lượng trong phạm vi 10 (CS 42)         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.</li> <li>- Tách một số nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.</li> </ul> |                                                                    | +Gộp/ tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm.                                                      |
| <b>MT36:</b> Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói                                          | <b>MT38:</b> Trẻ biết So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác                                              | <b>MT51:</b> So sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 10 (CS 43) | - So sánh sự bằng nhau và khác nhau về số lượng của hai nhóm đối                                                                             | - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách | + Cách đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng (đếm đúng trên đồ vật, đếm theo nhóm khác nhau, đếm theo các hướng, |

|                                                                                                                                               |                                                                                                           |                                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn                                                                                                      | nhau; nói kết quả so sánh: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.                                                  |                                                                                    | tượng trong phạm vi 5 và nói kết quả so sánh.                                                                                     | khác nhau; nói kết quả so sánh: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.                 | đếm các đối tượng không xếp thành hàng, thành dãy...)<br>+ Các chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 10<br>- So sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau; nói kết quả so sánh: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.<br>+ ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số điện thoại biển số xe, 113, 114, 115...) |
| <b>MT37:</b> Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn/ cao hơn, thấp hơn/ bằng nhau. | <b>MT39:</b> Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. | <b>MT52:</b> Đo độ dài dung tích của đối tượng trong bằng đơn vị đo ước lệ (CS 44) | - So sánh 2 đối tượng về kích thước: to hơn/ nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/ thấp hơn, bằng nhau và nói được kết quả so sánh | - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.<br>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo. | + Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.<br>+ Đo độ dài các vật, So sánh và diễn đạt kết quả đo.<br>+ Đo dung tích các vật bằng 1 đơn vị đo nào đó. So sánh và diễn đạt kết quả đo.                                                                                                                                                                              |
| <b>MT38:</b> Trẻ nhận dạng và gọi tên                                                                                                         | <b>MT40:</b> Trẻ chỉ ra được điểm                                                                         | <b>MT53:</b> Xác định 1 số hình phẳng và                                           | - Sử dụng các hình học để                                                                                                         | - So sánh sự khác nhau và                                                     | + Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|                                                                               |                                                                                        |                                                       |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.                                    | giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)                | hình khối đơn giản trong cuộc sống xung quanh (CS 45) | chắp ghép.<br>- Nhận ra và gọi tên các hình: Hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. | giống nhau của các hình: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.<br>- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo thành hình đơn giản<br>- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. | chữ nhật và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.<br>+ Tên gọi, đặc điểm của các khối: cầu, trụ, vuông, chữ nhật...<br>+ Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.<br>+ Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. |
| <b>MT39:</b> Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. | <b>MT41:</b> Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại. | <b>MT54:</b> Sắp xếp theo quy tắc (CS 46)             | - Xếp tương ứng 1- 1.<br>- Ghép đôi.<br>Xếp xen kẽ.                                                                                      | - Xếp tương ứng 1- 1.<br>- Ghép đôi.<br>- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.<br>- Tạo ra quy                                                                                                                            | + So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.<br>+ Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.                                                                                                                                                            |

|                                                                                                                         |                                                                                                       |                                                                       |                                                                                                                               |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                         |                                                                                                       |                                                                       |                                                                                                                               | <p>tắc sắp xếp mẫu và sao chép lại. sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.</p> <p>- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.</p> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <p><b>MT40:</b> Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.</p> | <p><b>MT42:</b> Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.</p> | <p><b>MT55:</b> Xác định vị trí không gian theo vật chuẩn (CS 47)</p> | <p>- Xác định tay phải, tay trái của bản thân.</p> <p>- Xác định phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau bản thân trẻ.</p> | <p>- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau; phía phải- phía trái).</p>            | <p>+ Xác định vị trí trong- ngoài, phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía trái – phía phải của bản thân.</p> <p>+ Phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía trái – phía phải của người khác.</p> <p>+ Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía trái – phía phải so với bản thân và so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.</p> |
|                                                                                                                         | <p><b>MT43:</b> Trẻ biết mô tả các sự kiện</p>                                                        | <p><b>MT56:</b> Phân biệt</p>                                         |                                                                                                                               | <p>+ Nhận biết các</p>                                                                                                                                    | <p>+ Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|                              |                                           |                                                                               |             |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                              | xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày | hôm qua, hôm nay, ngày mai và tên gọi các ngày trong tuần theo thứ tự (CS 48) |             | buổi sáng, trưa, chiều tối | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Gọi tên các thứ trong tuần (thứ 2 ...Chủ nhật) Tên các thứ trong tuần theo trình tự (thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6, thứ 7, chủ nhật.)</li> <li>+ Tên các ngày đi học và các ngày được nghỉ học; Một số công việc thường làm với thứ 2, thứ 3 và với thứ 7, chủ nhật...</li> <li>+ Các buổi trong ngày, thứ tự của các buổi trong ngày. Công việc của hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai..</li> </ul> |
|                              |                                           | <b>MT57:</b> Xác định giờ đúng trên đồng hồ (CS49)                            |             |                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chữ số trên lịch, và ý nghĩa của chúng.</li> <li>+ Chữ số, tên gọi trên đồng hồ.</li> <li>+ Cách xem giờ của một số loại đồng hồ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>II. Khám phá khoa học</b> |                                           |                                                                               |             |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>MT41:</b> Trẻ quan        | <b>MT44:</b> Trẻ quan                     | <b>MT58:</b> Nhận biết                                                        | - Chăm chú, | - Tìm hiểu                 | + Tên gọi, đặc điểm nổi bật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

|                                                                                      |                                                                                          |                                                                                             |                                                                |                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi.                                    | tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô. | một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên (CS 50)                      | quan sát các sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng. | khám phá sự vật, hiện tượng thông qua đặt các câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “vì sao cây lại héo?”, vì sao lá cây bị ướn?..<br>- Nhận xét một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. | về thời tiết của các mùa trong năm. Sinh hoạt của con người với các mùa trong năm.<br>+ Một số hiện tượng tự nhiên (gió, mưa, bão, ....)<br>+ Sự quan tâm, thái độ của bé với môi trường xung quanh. |
|                                                                                      |                                                                                          | <b>MT59:</b> Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm (CS 51) |                                                                |                                                                                                                                                                                                                          | + Phân loại các nhóm đối tượng theo đặc điểm dấu hiệu.<br>+ Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.                                                                                         |
| <b>MT42:</b> Trẻ nhận biết được chức năng của các giác quan và một số bộ phận cơ thể | <b>MT45:</b> Trẻ nhận biết được chức năng các giác quan và các bộ phận cơ thể            | <b>MT60:</b> Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các giác quan và một số bộ phận cơ thể        | - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác           | + Các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể con người (                                                                                                                                                                | + Các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể con người ( tên gọi, cấu tạo, chức năng....)                                                                                                           |

| phận khác của cơ thể.                                                                                  | phận khác của cơ thể.                                                                         | thể con người.                                                                                                         | của cơ thể.                                                                                                         | tên gọi, cấu tạo, chức năng....)                                                                                                                                                                             | + Sự thay đổi và lớn lên của bản thân.<br>+ Giới tính của bản thân.                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>MT43:</b> Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.                                 | <b>MT46:</b> Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1-2 dấu hiệu.                              | <b>MT61:</b> Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng;                                  | - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.<br>- Phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật. | - Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.<br>- Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu.<br>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. | + Tên gọi, đặc điểm, cách sử dụng, cách tạo ra một số đồ dùng thông thường, đồ chơi của bé.<br>+ Sự giống và khác nhau giữa các loại đồ dùng đồ chơi.<br>+ Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu.<br>- Phân loại những đồ dùng đó theo 2- 3 dấu hiệu. |
| <b>MT44:</b> Trẻ nhận biết được tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. | <b>MT47:</b> Trẻ nhận biết được đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân | <b>MT62:</b> Trẻ nhận biết được đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2- 3 dấu hiệu. | - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.                                            | - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1- 2 dấu                                                                                                                           | - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2- 3 dấu hiệu.                                                                                                                                                                                                                     |

|                                                                                                                                                |                                                                                                                                                   |                                                                                  |                                                                                                                                                  |                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                | loại theo 1- 2 dấu hiệu.                                                                                                                          |                                                                                  |                                                                                                                                                  | hiệu.                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>MT45:</b> Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | <b>MT48:</b> Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | <b>MT63:</b> Trẻ gọi được tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.         | - Tên, đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.                                                                        | - Tên, đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, rau, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.                  | - Gọi tên các con vật, cây gần gũi xung quanh. Tìm đặc điểm chung của 3 (hoặc 4) của con vật/cây/ hoa, quả.<br>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa quả.<br>- Đặt tên cho nhóm những con vật/ cây/ hoa quả... bằng những từ khái quát.                          |
| <b>MT46:</b> Trẻ mô tả được những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.                                      | <b>MT49:</b> Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của đối tượng được quan sát.                                     | <b>MT64:</b> Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật | - Quan sát, mô tả lại những dấu hiệu nổi bật của cây, hoa, quả, con vật...<br>- Mỗi quan hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường | - So sánh sự khác và giống nhau của 2 con vật, cây hoa quả.<br>- Phân loại loại cây, hoa quả, con vật theo 1- 2 dấu hiệu. | - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.<br>- Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây/ con vật/ hoa quả... thể hiện trên tranh, ảnh.<br>- Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.<br>- So sánh sự giống và khác |

|                                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                          |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>sống của chúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại loại cây, hoa quả, con vật theo 1 dấu hiệu nổi bật.</li> </ul> |                                                                                            | <p>nhau của một số cây/ con vật/ hoa quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.</li> <li>- Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, môi trường sống.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <p><b>MT47:</b> Trẻ biết một số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ</p> | <p><b>MT50:</b> Trẻ biết một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người</p> | <p><b>MT65:</b> Tên gọi, đặc điểm nổi bật về thời tiết của các mùa trong năm. Thứ tự các mùa trong năm. Sinh hoạt của con người với các mùa trong năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Một số hiện tượng tự nhiên (gió, mưa, bão, ...)</li> <li>+ Sự quan tâm, thái độ của bé với môi trường xung quanh.</li> </ul> | <p>- Một số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ</p>                                               | <p>- Một số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.</li> <li>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật, cây theo mùa. Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm.</li> <li>- So sánh sự giống và khác biệt cơ bản giữa 2 mùa (hè với đông, mùa mưa với mùa khô).</li> <li>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</li> <li>- Nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu: chặt phá rừng, vứt rác...do tràn dầu...do con</li> </ul> |

|                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | người...                                              |
| <b>MT48:</b> Trẻ biết được dấu hiệu nổi bật ngày và đêm,                          | <b>MT51:</b> Trẻ biết được sự khác nhau giữa ngày và đêm.                         | <b>MT66:</b> Trẻ biết được sự khác nhau giữa Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.    | - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.                                                                                                                       | - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.                                                                                                                                                                                                                                                                                           | - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. |
| <b>MT49:</b> Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng. | <b>MT52:</b> Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng. | <b>MT67:</b> Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng. | - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày.<br>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.<br>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. | - Các nguồn nước trong môi trường sống.<br>- Ích lợi của nước đối với đời sống con người động vật và cây.<br>- Một số đặc điểm, tính chất của nước .<br>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.<br>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. |                                                       |
| <b>MT50:</b> Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.         | <b>MT53:</b> Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.         | <b>MT68:</b> Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.         | - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                       |
| <b>MT51:</b> Trẻ biết                                                             | <b>MT54:</b> Trẻ biết                                                             | <b>MT69:</b> Trẻ làm thử                                                          | - Làm thử nghiệm với các vật chìm nổi.                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                       |

|                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.                                                                | làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.                                                                                                  | thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét, thảo luận.                                                                                                  | - Quan sát, nhận xét tính chất của các vật khi thả xuống nước. Nhận xét được vì sao vật chìm/ nổi trong nước.                                  |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| III. Khám phá xã hội                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| MT52: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện. | MT55: Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân. Họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện. | MT70: Trẻ nói đúng họ , tên, ngày sinh, giới tính của bản thân. Tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình, địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện. | - Tên tuổi, giới tính của bản thân.<br>- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.<br>- Yêu mến bố mẹ, anh ,chị, em ruột | - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.<br>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình, công việc của họ.<br>- Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.<br>- Yêu mến | - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.<br>- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình.<br>- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. |

|                                                                                                               |                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                               |                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                     | quan tâm đến người thân trong gia đình.                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>MT53:</b> Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | <b>MT56:</b> Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên, nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | <b>MT71:</b> Trẻ nói được tên, địa chỉ của trường, lớp, công việc của cô giáo, các bác công nhân viên, họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, lớp mẫu giáo.</li> <li>- Tên và công việc của cô giáo.</li> <li>- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.</li> <li>- Chơi hòa thuận với bạn</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ của trường, lớp.</li> <li>- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</li> <li>- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</li> <li>- Quan tâm giúp đỡ bạn</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường.</li> <li>- Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.</li> <li>- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.</li> </ul> |
|                                                                                                               |                                                                                                                                                                                               | <b>MT72:</b> Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát lớp học, trường mầm non.</li> <li>- Tham quan UBND xã, trường Tiểu học, chợ, Bưu điện xã...</li> <li>- Quan sát các khu vực trong trường.</li> </ul>                                                         |

|                                                                                                       |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                         |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                       |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                         |                                                                                                                                                                           | - Kể hoặc trả lời câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng, trường học, nơi mua sắm, khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc nơi trẻ đến. |
| <b>MT54:</b> Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. | <b>MT57:</b> Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện                                           | <b>MT73:</b> Trẻ kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (CS98)                                                                                                                  | - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.                                | - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.<br>- Kể tên một số công cụ làm nghề và sản phẩm của nghề. |                                                                                                                                               |
| <b>MT55:</b> Trẻ kể được tên của một số lễ hội, kể tên một vài danh lam, thắng ở phương.              | <b>MT58:</b> Trẻ kể được tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội, kể tên và nêu được một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. | <b>MT74:</b> Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội và nêu vài đặc điểm đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, quê hương đất nước. | - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. | + Những lễ hội truyền thống bé yêu thích ( tết trung thu, tết nguyên đán...), và các hoạt động diễn ra trong lễ hội.<br>+ Cách bé tham gia lễ hội.                        |                                                                                                                                               |
|                                                                                                       |                                                                                                                                                           | <b>MT75:</b> Trẻ nhận biết về một số văn hóa của người dân                                                                                                                          |                                                                                         |                                                                                                                                                                           | - Tham gia trải nghiệm lễ cấp sắc<br>- Trang phục, đồ dùng                                                                                    |

|                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                          |                                                                                                    |                                                                                                    |                                                                                                               |                                                                                            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                          | tộc dao                                                                                            |                                                                                                    |                                                                                                               | - Trò chơi (ném còn, đẩy gậy..)<br>- Nghề trồng lúa nương                                  |
| <b>MT56:</b> Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ                                                                                                                                         | <b>MT59:</b> Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.                                                                                                   | <b>MT76:</b> Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số đặc điểm gần với hoạt động của Bác Hồ           | - Hình ảnh Bác Hồ                                                                                  | - Hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ                                                                                | - Hình ảnh Bác Hồ và một số đặc điểm gần với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc..). |
| <b>MT57:</b> Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác                                                                                                   | <b>MT60:</b> Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác.                                                        | <b>MT77:</b> Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác.  | - Kính yêu Bác Hồ.                                                                                 |                                                                                                               |                                                                                            |
|                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                          |                                                                                                    | - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác                                          | - Thể hiện tình cảm với Bác qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác.                                        |                                                                                            |
| V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                          |                                                                                                    |                                                                                                    |                                                                                                               |                                                                                            |
| <b>MT58:</b> Trẻ biết bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác | <b>MT61:</b> Trẻ biết bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên | <b>MT78:</b> Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên, trong cuộc sống và nghệ thuật.(CS 55) | + Cảm xúc của bé khi đứng trước cảnh đẹp thiên nhiên, bức tranh đẹp, trang phục đẹp, các con vật.. | + Cảm xúc, hành động của bé khi đứng trước cảnh đẹp thiên nhiên, bức tranh đẹp, trang phục đẹp, các con vật.. | .<br>+ Cảm xúc,hành động, điệu bộ, cử chỉ của bé trước cái đẹp.                            |

|                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                          |                                                                                              |                                                                                                                               |                                                                                                                                       |                                                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| phẩm nghệ thuật.                                                                                                                                 | nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật..                                                                                                                                                |                                                                                              |                                                                                                                               |                                                                                                                                       |                                                                                                                                |
| <b>MT59</b> Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng | <b>MT62:</b> Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng | <b>MT79:</b> Bài tỏ ý kiến của bản thân đối với cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống (CS 56) | + Lời nói của bé khi đứng trước cảnh đẹp thiên nhiên, bức tranh đẹp, trang phục đẹp, các con vật..                            | + Lời nói của bé khi đứng trước cảnh đẹp thiên nhiên, bức tranh đẹp, trang phục đẹp, các con vật..                                    | + Ý kiến và lời nói của bé đối với cảnh đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống hàng ngày                                           |
| <b>MT60:</b> Trẻ vui sướng, chỉ sò, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật.                                                 | <b>MT63:</b> Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sò và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình.                                                                                        | <b>MT80:</b> Bài tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật. (CS 57)                 | - Tiếp xúc với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình.<br>+ Xem tranh và nhận xét sản phẩm: cầm xem, ngắm giá, khuyến khích trẻ nói | - Tiếp xúc với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình:<br>+ Cho trẻ quan sát các sản phẩm tạo hình có màu sắc tươi sáng hài hoà, rõ ràng để | + Đặt tên cho bài hát khi chưa được biết tên theo yêu cầu của cô.<br>+ Đặt tên mới cho bài hát, sản phẩm tạo hình...quen thuộc |

|                                                                                           |                                                                                                                              |                                                                                                    |                                                               |                                                                          |                                                                                                                                                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                           |                                                                                                                              |                                                                                                    | lên vẻ đẹp của sản phẩm tạo hình.                             | giúp trẻ ngắm nhìn, chỉ sờ và cảm nhận được vẻ đẹp của các sản phẩm.     |                                                                                                                                                                             |
|                                                                                           |                                                                                                                              | <b>MT81:</b> Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống. (CS 58)            |                                                               |                                                                          | + Nhạc giao hưởng, nhạc của các quốc gia với giai điệu gần gũi, quen thuộc.<br>+ Nhạc dân ca các vùng miền của Việt Nam.<br>+ Cảm xúc của trẻ, cách trẻ vận động theo nhạc. |
| <b>MT61:</b> Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.                | <b>MT64:</b> Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... | <b>MT82:</b> Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.                                                   | - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.                         | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm các bài hát. | + Xướng âm 7 nốt nhạc cơ bản.<br>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm các bài hát.                                                                   |
| <b>MT62:</b> Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc ( vỗ tay theo phách nhịp, | <b>MT65:</b> Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các                                       | <b>MT83:</b> Trẻ biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc | - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. | - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.          | - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.<br>- Sử dụng các dụng cụ gõ                                         |

|                                                                                                                                           |                                                                                                                                          |                                                                                                                          |                                                                                                            |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| vận động minh họa).                                                                                                                       | hình thức.                                                                                                                               |                                                                                                                          | - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp,.                                                            | - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.                                                                | đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.                                                                                                                                                                           |
| <b>MT63:</b> Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.                                              | <b>MT66:</b> Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.                                                          | <b>MT84:</b> Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.                                       | - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.                                             | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.                                 | - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.<br>- Sử dụng nhiều loại vật để để làm ra một loại sản phẩm                                |
|                                                                                                                                           |                                                                                                                                          | <b>MT85:</b> Có hành vi thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật, cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống.(CS 59) |                                                                                                            |                                                                                                                         | + Hành vi của bé với những sản phẩm nghệ thuật được tạo ra hàng ngày, trong thiên nhiên và cuộc sống .                                                                                                    |
| <b>MT64:</b> Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và đặt được tên cho sản phẩm tạo hình. biết vận động theo ý thích các bài | <b>MT67:</b> Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt được tên cho sản phẩm tạo hình. Biết lựa chọn và | <b>MT86:</b> Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hoạt động tạo hình , hát, vận động theo nhạc.(CS 60)       | - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.<br>- Vận động theo ý thích các bài hát, bản | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.<br>- Lựa chọn thể hiện các hình | - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.<br>- Sử dụng nhiều loại vật để để làm ra một loại sản phẩm<br>+ Gõ đệm theo nhịp tiết tấu |

|                                                                                              |                                                                                                                         |                                                                                                                    |                                                                |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| hát, bản nhạc quen thuộc.                                                                    | tự thể hiện hình thức vận động, hát theo bài hát, bản nhạc. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát. |                                                                                                                    | nhạc quen thuộc.                                               | thức vận động, nhạc<br>- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát.    | phù hợp với nhịp điệu của bài hát.<br>+ Vận động minh họa (múa, nhảy, ...) phù hợp với nhịp điệu, giai điệu của bài hát, bản nhạc.<br>+ Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.<br>.           |
| <b>MT65:</b> Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | <b>MT68:</b> Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.                                         | <b>MT87:</b> Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nói về sản phẩm đó. (CS 61) | - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. | + Làm đồ chơi, tô màu, vẽ, xé dán, nặn... theo ý thích bằng các nguyên vật liệu tự chọn.<br>+ Đặt tên cho sản phẩm<br>+ Nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của các bạn.<br>+ Chơi với các sản phẩm làm từ các nguyên vật liệu thiên nhiên. |
|                                                                                              |                                                                                                                         | <b>MT88:</b> Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm,                                    |                                                                |                                                                                         | + Bé với các vai diễn trong hoạt động nghệ thuật: Hát, múa, đóng kịch...                                                                                                                                                                           |

|                                                                                               |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                    |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                 |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                               |                                                                                                            | tính cách của nhân vật.<br>(CS 62)                                                                                                                                                                 |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                 |  |
| <b>MT66:</b> Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích                                        | <b>MT69:</b> Tự chọn dùng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích                              | <b>MT89:</b> Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày theo cách riêng ( như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói / cử chỉ lịch sự/nhân ái...). (CS 63)                                              | + Làm những sản phẩm đơn giản từ các nguyên vật liệu dưới sự hướng dẫn.      | + Cách làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu phế thải dưới sự hướng dẫn của người lớn.<br>+ Cách làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu thiên nhiên.<br><br>+ Thái độ và cảm xúc của bé khi tự tạo ra đồ dùng đồ chơi. |  |
| <b>MT67:</b> Trẻ tiếp cận, làm quen một số bài hát mới trong nước, nước ngoài phù hợp với trẻ | <b>MT70:</b> Trẻ được tiếp cận, làm quen một số bài hát mới trong nước, nước ngoài phù hợp với trẻ mầm non | <b>MT90:</b> Trẻ tiếp cận, làm quen một số bài hát mới trong nước, nước ngoài phù hợp với trẻ mầm non<br><br>Mở rộng, nâng cao một số hình thức dạy hát như: Hợp xướng, Acapella ở mức độ đơn giản | - Nghe hát, thể hiện cảm xúc với các bản nhạc hay bài hát mới trên thế giới. | - Nghe hát, thể hiện cảm xúc phù hợp các bản nhạc hay bài hát mới trên thế giới.                                                                                                                                |  |
| VI. TIẾP CẬN VỚI VIỆC HỌC                                                                     |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                    |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                 |  |

|                                                                                                     |                                                                                       |                                                                        |                                                                           |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>MT68:</b> Trẻ thích khám phá, tìm tòi các sự vật hiện tượng xung quanh                           | <b>MT71:</b> Trẻ thích khám phá, tìm tòi các sự vật hiện tượng xung quanh             | <b>MT91:</b> Tò mò, thích tìm hiểu sự vật hiện tượng.<br>(CS 64)       | - Trẻ tìm hiểu, khám phá đồ vật và hay đặt câu hỏi: Ai ấy, cái gì đây?... | - Trẻ khám phá sự vật hiện tượng quen thuộc và đặt câu hỏi tại sao? Để làm gì?... | - Sự tò mò, ham hiểu biết của bé đối với sự vật hiện tượng đang xảy ra ở xung quanh. Hay đặt câu hỏi tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?...                                                                                              |
|                                                                                                     |                                                                                       | <b>MT92:</b> Tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ và hoạt động.(CS 65)   |                                                                           |                                                                                   | - Sự tập trung của bé khi tham gia các hoạt động và nhiệm vụ được giao                                                                                                                                                                         |
| <b>MT69:</b> Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...) | <b>MT72:</b> Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi) | <b>MT93:</b> Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng.(CS 66)  |                                                                           |                                                                                   | -Trẻ có ý thức tham ra các hoạt động và thực hiện nhiệm vụ được giao                                                                                                                                                                           |
|                                                                                                     |                                                                                       | <b>MT94:</b> Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động.(CS 67) |                                                                           |                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực của bé khi thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn.</li> <li>- Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.</li> </ul> |

|  |  |                                                                                                             |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <b>MT95:</b> Hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu.(CS 68) |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thái độ của bé với nhiệm vụ được giao cùng bạn; người lớn.</li> <li>+ Bé và các sự kiện được tổ chức trong nhóm, lớp.</li> <li>+ Thái độ và hành động của bé khi được giao nhiệm vụ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                         |
|  |  | <b>MT96:</b> Thảo luận, giải thích , trình bày suy nghĩ của bản thân.(CS 69)                                |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ ý kiến của bé trước một sự kiện.</li> <li>+ Bé chia sẻ những gì khi chơi với các bạn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|  |  | <b>MT97:</b> Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống.(CS 70)                    |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+Thái độ, hành động, lời nói của bé khi cần sự giúp đỡ của người lớn.</li> <li>+ Bé chia sẻ với các bạn về chuyện vui, buồn của mình.</li> <li>+ Bé chia sẻ đồ chơi với các bạn.</li> <li>+ Bé trong giờ học.</li> <li>+ Bé với những hành động bảo vệ môi trường:</li> <li>+ Tắt điện khi ra khỏi phòng.</li> <li>+ Tiết kiệm điện nước.</li> <li>+ Bỏ rác đúng nơi qui định.</li> </ul> |

|  |  |                                                                                                  |  |  |                                                                                                                   |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |                                                                                                  |  |  | + Chăm sóc vật nuôi cây trồng.                                                                                    |
|  |  | <b>MT98:</b> Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn |  |  | + Bé với 1 số đồ dùng, dụng cụ, thiết bị thông minh trong hoạt động hàng ngày ( Màn hình thông minh, máy tính...) |

## 2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

| STT | TÊN CHỦ ĐỀ        | CÁC SỰ KIỆN                                              | SỐ TUẦN | THỜI GIAN THỰC HIỆN            |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------|---------|--------------------------------|
| 1   | Trường mầm non    |                                                          | 2       | Từ ngày 8/09/2025 - 19/9/2025  |
| 2   | Bản thân          | - Tết trung thu<br>- Ngày thành lập HLHPN Việt Nam 20/10 | 4       | Từ ngày 22/9/2025-17/10/2025   |
| 3   | Gia đình          | - Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11                           | 3       | Từ ngày 20/10/2025- 07/11/2025 |
| 4   | Nghề nghiệp       |                                                          | 4       | Từ ngày 10/11/2025- 05/12/2025 |
| 5   | Thế giới động vật | - Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12        | 4       | Từ ngày 08/12/2025- 02/01/2026 |
| 6   | Thế giới thực vật |                                                          | 4       | Từ ngày 05/01/2026- 30/01/2026 |
| 7   | Tết và mùa xuân   | - Tết nguyên đán                                         | 2       | Từ ngày 02/02/2026- 13/02/2026 |

**Nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 16/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026**  
**(Từ thứ 2 ngày 29 tháng Chạp đến thứ bảy ngày 12 tháng Giêng)**

|    |                                        |                            |   |                                |
|----|----------------------------------------|----------------------------|---|--------------------------------|
| 8  | Phương tiện và các quy định giao thông | - Ngày Quốc tế phụ nữ 08/3 | 4 | Từ ngày 02/03/2026- 27/3/2026  |
| 9  | Nước - Hiện tượng thiên nhiên          |                            | 3 | Từ ngày 30/03/2026- 17/04/2026 |
| 10 | Quê hương - Đất nước - Bác Hồ          | - Ngày sinh nhật Bác       | 3 | Từ ngày 20/04/2026- 08/05/2026 |
| 11 | Trường Tiểu học                        | Tết thiếu nhi              | 2 | Từ ngày 11/05/2026- 22/05/2026 |

**GHI CHÚ:**

*Bắt đầu học kỳ I từ 05/9/2025. Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026*

*Bắt đầu học kỳ II từ 12/01/2026. Kết thúc học kỳ II: 22/5/2026*

*Kết thúc năm học ngày 29/5/2026*